

Số: 05/2022/QĐ-UBND

Tiền Giang, ngày 21 tháng 01 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi
năm 2021 trên địa bàn tỉnh Tiền Giang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 26 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

Căn cứ Nghị định 96/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi;

Căn cứ Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang Khóa X, Kỳ họp thứ 4 thông qua giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2021 trên địa bàn tỉnh Tiền Giang;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2021 trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

2. Đối tượng áp dụng

Tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu công trình thủy lợi; chủ quản lý, khai thác công trình thủy lợi; các tổ chức, cá nhân sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2021 trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

Điều 2. Giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi

1. Giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với đất trồng lúa, rau màu, cây công nghiệp ngắn ngày:

Đơn vị tính: Đồng/ha/vụ

Stt	Đối tượng dùng nước	Vụ Đông Xuân	Vụ Hè thu sớm	Vụ Hè thu chính vụ	Vụ Hè thu muộn
1. Khu vực có hệ thống công trình thủy lợi điều tiết: là khu vực sản xuất nằm trong hệ thống đê bao, bờ bao và có hệ thống cống điều tiết nhằm ngăn mặn, giữ ngọt, ngăn triều cường, ngăn lũ và chủ động về tiêu úng (hệ thống thủy lợi khép kín lợi dụng thủy triều để tưới, tiêu chủ động một phần)					
a	Đất sản xuất lúa	366.000	366.000	366.000	366.000
b	Đất trồng rau màu, cây công nghiệp ngắn ngày	146.500	146.500	146.500	146.500
2. Khu vực không có hệ thống công trình thủy lợi điều tiết: là khu vực sản xuất chưa được đầu tư hệ thống công trình thủy lợi khép kín, mức độ phục vụ của công trình chỉ tạo nguồn tưới, tiêu					
a	Đất sản xuất lúa	244.000	244.000	244.000	244.000
b	Đất trồng rau màu, cây công nghiệp ngắn ngày	98.000	98.000	98.000	98.000

2. Giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với đất sử dụng cho nuôi trồng thủy sản; trồng cây ăn trái, hoa, dược liệu và cây công nghiệp dài ngày:

Đơn vị tính: Đồng/ha/năm

Stt	Đối tượng dùng nước	Mức giá
1	Diện tích nuôi trồng thủy sản	1.488.500
2	Diện tích trồng cây ăn trái, hoa, dược liệu và cây công nghiệp dài ngày	
a	Khu vực có hệ thống công trình thủy lợi điều tiết	293.000
b	Khu vực không có hệ thống công trình thủy lợi điều tiết	195.000

3. Giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này là giá không có thuế giá trị gia tăng và được áp dụng cho cả năm ngân sách 2021.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp Sở Tài chính tổ chức triển khai thực hiện giá cụ thể sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi năm 2021 trên địa bàn tỉnh.

2. Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi thực hiện kiểm tra rà soát diện tích, lập kế hoạch tưới tiêu và thực hiện quản lý, khai thác công trình theo đúng quy định pháp luật.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2022.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng các sở, ngành tỉnh có liên quan; Giám đốc Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *Phải*

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Cục KTVBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Công thông tin điện tử Chính phủ;
- Bộ Tư lệnh Quân khu 9;
- TT. Tỉnh ủy; TT. Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ và các tổ chức đoàn thể tỉnh;
- UBND tỉnh: CT và các PCT;
- Công Thông tin điện tử, Công báo tỉnh;
- VP: CVP và các PVP, các P.NC, BTCD;
- Lưu: VT, P.KT. *Trọng*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Văn Trọng